

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28-8-2020

V/v ly hôn giữa anh Đ, chị D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Minh Hải

Bà Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh BG tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 281/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tống Hồng Đ, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, TT Đ, huyện LN, tỉnh BG.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị D, sinh năm 2000 (vắng mặt)

HKTT: Thôn C, TT Đ, huyện LN, tỉnh BG.

Chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện NX, tỉnh TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 17/06/2020 cùng các lời khai, nguyên đơn anh Tống Hồng Đ trình bày như sau: Anh kết hôn với chị Bùi Thị D ngày 29/10/2018 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là TT Đ), huyện LN, tỉnh BG. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận và tự nguyện lấy nhau. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh Đ tại thôn Cẩm Y, xã T (nay là TT Đ), huyện LN, tỉnh BG, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến tháng 04/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có chung quan điểm sống. Vợ chồng anh sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 04/2019 đến nay. Anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị D.

Về con chung: Vợ chồng anh chưa có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đ vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Tại biên bản tự khai ngày 08/7/2020 bị đơn chị Bùi Thị D trình bày:

Hiện tại chị không còn ở thôn C, TT Đ, huyện LN, tỉnh BG mà chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn K, xã T, huyện NX, tỉnh TH ở, việc anh Tổng Hồng Đ làm đơn ly hôn chị tại TAND huyện Lục Nam chị đồng ý chọn TAND huyện Lục Nam là nơi giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về thời điểm kết hôn và đăng ký kết hôn như anh Đ trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như anh Đ trình bày là đúng. Nay anh Đ làm đơn xin ly hôn chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay anh Đ làm đơn xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chị chưa có con chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, tranh chấp, ruộng tranh tác: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự anh Đ, chị D chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tổng Hồng Đ được ly hôn chị Bùi Thị D.

Về con chung, tài sản, tranh chấp, ruộng tranh tác: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện của anh Tổng Hồng Đ và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Anh Đ và chị D đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Cẩm Y, xã T (nay là TT Đ), huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, hiện chị D đang ở và làm việc tại thôn K, xã T, huyện NX, tỉnh TH, việc anh Đ làm đơn ly hôn chị D tại TAND huyện Lục Nam, chị D đồng ý lựa chọn TAND huyện Lục Nam là nơi giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Đ nên căn cứ vào Điều 36, Điều 39 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về việc vắng mặt bị đơn là chị Bùi Thị D tại phiên tòa: Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa gửi TAND huyện Lục Nam. Nên căn cứ vào Điều 27, Điều 28 của BLTTDS HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Tổng Hồng Đ kết hôn với chị Bùi Thị D ngày 29/10/2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là TT Đ), huyện LN, tỉnh BG. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận. Do đó xác định hôn nhân giữa anh Đ và chị D là hôn nhân hợp pháp. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại thôn Cẩm Y, xã T (nay là TT Đ), huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 04/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 04/2019 đến nay. Phía anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D. Phía chị D đồng ý ly hôn. Nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Tổng Hồng Đ được ly hôn với chị Bùi Thị D.

[3] *Về con chung*: Anh Tổng Hồng Đ và chị Bùi Thị D chưa có con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản, canh nợ, ruộng canh tác*: Anh Tổng Hồng Đ và chị Bùi Thị D đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Tổng Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Tổng Hồng Đ, chị Bùi Thị D được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Tổng Hồng Đ được ly hôn chị Bùi Thị D.

2. *Về án phí*: Anh Tổng Hồng Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0004844 ngày 24/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh BG.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- UBND TT Đ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Định

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoan – Từ Minh Hải

Đặng Công Định

